

# DƯỢC SƯ SÁM PHÁP

Thích Trí Quang dịch

## Lược giải kinh Dược Sư

Mục lục

Tài liệu

Dịch giả

Mệnh đề

Cương yếu

Lược giải

A1 mở đầu

A2 nội dung, có 3 B

B1. Danh hiệu

B2. Bản nguyện

B3. Công đức, có 7C

C1. nói về y chánh trang nghiêm

C2. nói về đại dụng của danh hiệu, có 5 D

D1. diệt sự tham lẩn mà được sự bố thí

D2. diệt sự phạm tội mà được sự giữ giới

D3. diệt sự ganh ghét mà được sự giải thoát

D4. diệt sự hại nhau mà được sự thương nhau

D5. được sanh Cực lạc hay các sự chuyển sanh khác

C3. nói về đại dụng của chú

C4. nói về đại dụng của sự phụng trì, có 3 D

D1. Phật dạy tổng quát và ngài Văn thù phát nguyện

D2. Phật chỉ cách thức và nói ích lợi

D3. Phật nói ích lợi trong sự khỏi nạn

C5. nói là chỗ hiểu biết sâu xa của Phật

C6. nói cách tiêu tai diên thọ, có 5 D

D1. chỉ cách tiêu tai diên thọ

D2. chỉ thêm cách tiêu tai diên thọ, đặc biệt tiêu bệnh khổ

D3. lại còn tiêu quốc nạn

D4. tiêu bất định nghiệp

D5. tiêu cả định nghiệp

C7. nói sự hộ vệ của Dạ xoa.

A3 kết thúc

B1. nói tên kinh

B2. chúng hội phụng hành

Ghi chú

## Tài liệu

Tài liệu dùng để dịch giải kinh này gồm có :

1. Phật thuyết quán đánh bạt trừ quá tội sanh tử đắc độ kinh quyền đệ thập nhị (Chính 21/532-536) ;
2. Phật thuyết Dược sư như lai bản nguyện kinh (Chính 14/401-404) ;
3. Dược sư lưu ly quang như lai bản nguyện công đức kinh (Chính 14/404-408) ;
4. Dược sư lưu ly quang thất Phật bản nguyện công đức kinh (Chính 14/409-418) ;
5. Dược sư kinh cổ tích (Vạn 35/172-178) ;
6. Dược sư kinh trực giải (Vạn 35/179-196) ;
7. Dược sư lưu ly quang như lai bản nguyện công đức kinh giảng ký (TH 28/2229-2408) ;
8. Dược sư lưu ly quang như lai bản nguyện công đức kinh (bản in riêng, của cơ quan Lưu thông sách Phật ở Hương cảng) ;
9. Dược sư lưu ly quang như lai bản nguyện công đức kinh (Trung Anh hợp san, của cơ quan Lưu thông sách Phật ở Hương cảng).

Ngoài 9 tài liệu trên đây, còn có Dược sư đăng diệm (Vạn 59/145-146) và 10 bản Nghi quỹ (Chính 19/20 - 67). Điều đáng nói và đáng tiếc là, theo Pđ 2838d, còn có tài liệu gọi là Dược sư kinh số của ngài Khuy cơ (đệ tử ngài Huyền tráng). Tài liệu này, nếu có, tất nhiên quan trọng bậc nhất. Nhưng hiện trong Đại tạng kinh bản Đại chính tân tu và Tục tạng kinh bản chữ Vạn đều không có.

Sau đây là những điều cần biết :

A. Kinh này trước sau có 5 bản dịch : bản dịch 1 là tài liệu 1, dịch giả Cát hữu, dịch quãng 317 ; bản dịch 2 là Dược sư lưu ly quang kinh, dịch giả Tuệ giản, dịch quãng 457, bản này thất lạc ; bản dịch 3 là tài liệu 2, dịch giả Pháp hạnh, dịch năm 615 ; bản dịch 4 là tài liệu 3, dịch giả Huyền tráng, dịch năm 650 ; bản dịch 5 là tài liệu 4, dịch giả Nghĩa tịnh, dịch năm 707.

B. Đối chiếu đại khái về 4 bản dịch hiện còn trên đây thì cần ghi ngay ở đây là 2 chỗ : (1) tên 8 vị bồ tát là trích tài liệu 1 (Chính 21/533d) ; (2) chú là trích tài liệu 4 (Chính 14/414). Đối chiếu này còn phải nói rõ hơn nơi mục dịch giả dưới đây.

C. Bản văn tôi dịch là tài liệu 8, đối chiếu với bản chính là tài liệu 3 (bản dịch 4) và các tài liệu đã kê. Sự đối chiếu này sẽ nói rõ trong lược giải. Sở dĩ tôi chọn tài liệu 8 là vì bản này mới thường trì tụng.

## Dịch giả

Thời đại nhà Đường, Tam tạng pháp sư Huyền tráng dịch.

Niên đại của ngài Huyền tráng là 569-664. Kinh này dịch vào lúc ngài 55 tuổi, năm 650. Trên đây là tham khảo PHNC bài 18 trang 59-81. Bài này là bản niên phổ quý nhất của ngài Huyền tráng.

Nhưng, bản tài liệu 8 mà tôi căn cứ để dịch giải, đúng ra còn phải kê thêm các dịch giả Cát hữu và Nghĩa tịnh. Vì lẽ, như khoản B cần biết ở mục tài liệu trên đã nói, bản này có bổ túc 2 chỗ là tên 8 vị bồ tát và chú. Việc bổ túc ấy do ai thì tìm chưa thấy, nhưng chú thích số 11 và số 13 của Chính 14/406 (tài liệu 3, bản chính) cho biết có bản bổ túc như vậy. Sự bổ túc này đã lưu hành xưa nay.

Điều phải nói hơn nữa, là cả 2 chỗ bổ túc trong tài liệu 1 đã có. Riêng về chú, tài liệu 1 không những có (Chính 21/536t) mà nói có lý hơn cả tài liệu 4 (là nơi trích chú). Tài liệu 1 lại có trước nhất và sớm nhất, vào đầu thế kỷ 4 (317), còn tài liệu 4 có gần 4 thế kỷ sau (707). Vậy trích 2 chỗ nói trên mà bổ túc cho tài liệu chính (tài liệu 3, có năm 650) là rất phải.

## Mệnh đề

Kinh Bản nguyện công đức của đức Dược sư lưu ly quang như lai.

Mệnh đề này có nghĩa là bản kinh nói về bản nguyện và công đức của đức Dược sư.

Bản nguyện, bản, nghĩa đen là gốc, trước, của mình. Nguyện là thề nguyện, chí nguyện. Cái nguyện gốc, trước và của mình (đức Dược sư), gọi là bản nguyện.

Công đức, ở đây, nghĩa giản dị nhất, công là công tu, đức là được : hiệu quả đạt được bởi công năng tu tập, gọi là công đức. Công đức ấy của đức Dược sư gồm có :

- Chánh báo y báo trang nghiêm, tức thân thể và vũ trụ trang nghiêm của ngài ;
- Danh hiệu của ngài ;
- Những ích lợi (diệu dụng hay thần lực) mà ngài ban cho chúng sanh, trong đó có sự tiêu tai diên thọ.

Trong 3 loại công đức trên đây, danh hiệu có khi được tách ra mà nói danh hiệu, bản nguyện và công đức.

Dược sư lưu ly quang như lai là danh hiệu đầy đủ của đức Dược sư. Dược sư, Phạm tự là Bộ sát xã lữ rô (Bhaishajyaguru), nghĩa đen : thầy thuốc chữa bệnh. Lưu ly quang là dịch âm (lưu ly) và dịch nghĩa (quang) Phạm tự Bộ lưu ly bát lật bà - hát ra xà dã (Vaiduryaprabha-rajaya), nghĩa đen : ánh sáng lưu ly. Lưu ly là dịch âm và gọi tắt tên một thứ ngọc đá. Ngọc này trong ngoài trong suốt màu xanh, vật gì gần nó cũng thành một màu ấy. Dược sư lưu ly quang như lai : một đức Như lai có danh hiệu là Thầy thuốc chữa bệnh, ánh sáng như ngọc lưu ly.

## Cương yếu

Kinh này nội dung có 2 phần, là nói về bản nguyện và công đức của đức Dược sư. Phần danh hiệu chỉ là phần công đức tách ra.

Nhưng, nói về một đức Phật thì không phải chỉ có bản nguyện và công đức. Chỉ nói bản nguyện và công đức, vì đó là 2 phần nhân và quả của một đức Phật. Nhưng, nhân và quả của một đức Phật cũng không phải chỉ có bản nguyện và công đức. Chỉ nói bản nguyện và công đức là vì nhiều lý do, mà lý do quan trọng nhất là đề cao tha lực. Kinh này nói tự lực (sự hành trì của ta) thì ít, nói tha lực (sự gia hộ của Phật) mới nhiều. Mà nhân và quả của một đức Phật thì bản nguyện và công đức là 2 phần vì chúng sanh và cho chúng sanh, nên đặc biệt nêu lên.

Điều phải chú ý hơn hết là, như vừa nói, kinh này đề cao tha lực. Thật vậy, kinh này đề cao tha lực đến nỗi C5 trong B3 cho biết, sự gia hộ của Phật là điều thuộc "thậm thâm hành xứ" của Phật, điều của Phật làm và của Phật biết, chỉ "nhất sanh bồ tát" là bồ tát chỉ một đời nữa làm Phật mới tin và hiểu đúng như sự thực. Còn ngài A nan đi nữa mà tiếp nhận được là do uy lực của Phật, huống chi phàm phu chúng ta.

## Lược giải

Như thường lệ, kinh này vẫn có 3 A : mở đầu, nội dung và kết thúc.

### A1 mở đầu

*Tôi nghe như vậy.*

*Một thời, đức Thế tôn du hóa các nước, đến thành Quảng nghiêm, dừng ở dưới cây Tiếng nhạc. Tám ngàn vị đại tỷ kheo, ba vạn sáu ngàn vị đại bồ tát, và các quốc vương, đại thần, đạo sĩ cư sĩ tám bộ thiên long, loài người và loài không phải người, đại chúng vô lượng như vậy, cung kính vây quanh đức Thế tôn để được ngài thuyết pháp cho.*

Tôi nghe như vậy (như thị ngã văn), nghĩa là "toàn bộ pháp thoại như thế này là do tôi nghe". Câu này cũng có thể dịch tôi nghe như thế này, như vậy tôi nghe. Nhưng, như vậy là tiếng thổ ngữ, bắt đắc dĩ mới dùng.

Đạo sĩ (Bà la môn), Bà la môn đúng là giai cấp đạo sĩ, cũng như Sát đế lợi đúng là giai cấp võ sĩ. Tám bộ thiên long (thiên long bát bộ). Tám bộ là 8 loài : thiên, long, dạ xoa, càn thát bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la đà (Phạm tự : deva, naga, yaksha, gandharva, asula, garuda, kimnara, mahoraga). Tám bộ này, thiên và long là 2 loại mà đứng đầu, nên hay nói "thiên long bát bộ". Nếu chép "thiên long dược xoa" thì cũng nói 8 bộ mà chỉ kê ra 3 loại đầu. Riêng kinh này, nếu chép "thiên long dược xoa" cũng có lý, vì C7 của B3, loại dạ xoa liên hệ nhiều đến kinh này.

*Lúc ấy, Mạn thù pháp vương tử vâng theo uy thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai áo bên trái, gối bên phải quì xuống sát đất, hướng về đức Phật, cong mình, chắp tay mà thưa, bạch đức Thế tôn, con xin ngài nói về tướng loại như thế này, đó là danh hiệu, bản nguyện vĩ đại và công đức thù thắng của*

*chư Phật, làm cho người nghe tiêu trừ những sự chướng ngại do nghiệp lực tạo ra. Là vì con muốn lợi lạc cho mọi người trong thời kỳ Phật pháp tương tự xuất hiện. Đức Thế tôn tán dương Mạn thù đồng tử, lành thay Mạn thù, lành thay, ông đem lòng thương rộng lớn thỉnh cầu Như lai nói về danh hiệu, bản nguyện và công đức của chư Phật để cứu vớt những kẻ bị nghiệp chướng buộc chặt, lợi lạc mọi người trong thời kỳ Phật pháp tương tự. Ông hãy nghe kỹ, suy nghĩ rất khéo, Như lai sẽ nói cho. Mạn thù bạch Phật, dạ, xin Phật chỉ dạy, chúng con thích thú mà nghe.*

Mạn thù = Mạn thù thất lợi, Văn thù sư lợi, Văn thù : Manjushri. Pháp vương tử : thái tử của đấng Pháp vương. Chỉ ngài Mạn thù mới hay được gọi như vậy. Kinh này được hỏi bởi ngài Mạn thù, còn kinh Di Đà do Phật tự nói chứ không ai hỏi được : hãy so sánh giữa 2 kinh, rồi so sánh giữa 2 kinh với các kinh, về sự mở đầu này mà thôi, cũng thấy được giá trị kinh này.

Tương loại : sắc thái và bộ môn, tức danh hiệu, bản nguyện và công đức của chư Phật. Cũng có thể đọc "tương loại", nghĩa là tương tự : tương tự giữa chư Phật, về danh hiệu, bản nguyện và công đức. Bản nguyện vĩ đại (bản đại nguyện) đúng ra phải dịch là đại nguyện gốc, trước. Thời kỳ Phật pháp tương tự (tương pháp) Phật pháp có 3 thời kỳ. Trước thời kỳ này là thời kỳ Phật pháp nguyên chất (chánh pháp) và sau thời kỳ này là thời kỳ Phật pháp cuối cùng (mạt pháp). Nhưng tôi không tin kinh này chỉ nói cho người thuộc thời kỳ Phật pháp tương tự. Nói người thuộc thời kỳ này mới đa số tin và làm theo kinh này thì có lý hơn. Đoạn văn trên có 2 chỗ dùng chữ tượng pháp (thời kỳ Phật pháp tương tự) là chỗ ngài Văn thù thỉnh và chỗ Phật khen. Chỗ trước, bản dịch 1 cũng dùng chữ tượng pháp (Chính 21/532g), bản dịch 3 dùng chữ lai thể chánh pháp hoại thời (Chính 14/401g), bản dịch 5 cũng dùng chữ tượng pháp (Chính 14/409t). Nhưng chỗ sau, bản dịch 1 chỉ dùng chữ nhất thể vô lượng chúng sanh (Chính 21/532g), bản dịch 3 chỉ dùng chữ chư thiên nhân (Chính 14/401g), bản dịch 5 chỉ dùng chữ vô lượng nghiệp chướng hữu tình (Chính 14/409g). Rất nên đối chiếu như vậy để thấy người mạt pháp không phải vô phần đối với kinh này.

Đồng tử = kumara, nghĩa đen : trẻ thơ. Ở đây ý nghĩa là không có ý niệm dâm dục như tâm hồn trẻ thơ.

## **A2 nội dung, có 3 B**

Lời thỉnh của ngài Văn thù và lời hứa của đức Thế tôn, trong văn mở đầu, đều nói danh hiệu, bản nguyện và công đức. Vậy nội dung kinh này nên chia ra 3 B : danh hiệu, bản nguyện và công đức của đức Dược sư.

### **B1. Danh hiệu**

*Phật dạy Mạn thù, phía đông, cách thế giới hệ này bởi những thế giới hệ bằng số cát hơn mười sông Hằng, có một thế giới hệ tên Tịnh lưu ly. Đức Phật ở đó danh hiệu là Dược sư lưu ly quang như lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thế, thế gian giải vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, Phật : thế tôn.*

Đoạn này vẫn tắt nhưng nói được 3 điều : chánh báo trang nghiêm của đức Dược sư, danh hiệu viên mãn của ngài, sau hết, mở đầu tổng quát cho nội dung kinh này (là nội dung nói về đức Dược sư). Tuy nói được đến 3 điều như vậy, phần danh hiệu viên mãn vẫn là phần chính.

Trước hết, thế giới hệ (thế giới) là chỉ cho đại thiên thế giới, nên ngài Thái hư nói bằng với tinh vân hệ hay tinh hải hệ của thiên văn (TH 28/2326)(40), do đó, phải dịch là thế giới hệ mới đúng. Còn từ ngữ thế giới hay lầm lẫn với địa cầu. Mà địa cầu chỉ là một trong rất nhiều thành phần của tiểu thế giới(41). Ngàn tiểu thế giới là tiểu thiên thế giới. Ngàn tiểu thiên thế giới là trung thiên thế giới. Ngàn trung thiên thế giới mới là đại thiên thế giới, có 1 tỷ tiểu thế giới (TH 28/2326).

Bây giờ nói danh hiệu của đức Dược sư. Danh hiệu "Dược sư lưu ly quang" đã cắt nghĩa. Nhưng, được gọi là một đức Phật, phải là đấng có 10 công đức lớn, tiêu biểu bởi 10 đức hiệu (dầu 10 công đức và 10 đức hiệu cũng chỉ nói tóm lược mà thôi). Mười đức hiệu, tài liệu chính (Chính 14/405) chép : như lai, ứng, chánh đẳng giác, minh hạnh viên mãn, thiện thế, thế gian giải, vô thượng trượng phu, điều ngự sĩ, thiên nhân sư, Phật : bạc già phạn. Chép như vậy thì có 3 điều cần chú ý.

Một, 10 đức hiệu, thông thường thì nguyên Phạm tự như sau :

1. Tathagata,
2. Arhat,
3. Samyaksambuddha,
4. Vidyacarana-sampanna,
5. Sugata,
6. Lokavid,
7. Anuttara,
8. Purusa-damya-sarathi,
9. Sasta-deavamanusyanam,
10. Buddha-lokanatha.

Dịch nghĩa và chẫm câu như sau :

1. Như lai,
2. Ứng cúng,
3. Chánh biến tri,
4. Minh hạnh túc,
5. Thiện thế,
6. Thế gian giải,
7. Vô thượng sĩ,
8. Điều ngự trượng phu,
9. Thiên nhân sư,
10. Phật - thế tôn.

Nhưng đức hiệu Thế tôn, nếu dịch âm là Phật đà - lộ ca na tha, và nguyên Phạm tự là Buddha-lokanatha, thì Phật - thế tôn là 1 đức hiệu, nếu dịch âm là Bạc già phạn, và nguyên Phạm tự là Bhagavan, thì Thế tôn là đức hiệu riêng : đáng có 10 đức hiệu nên tôn xưng là Thế tôn (Pđ 252t). Ở đây, nguyên Hoa văn dịch âm là Bạc già phạn, thì Phạm tự là Bhagavan, nên Thế tôn là đức hiệu riêng, và phải chẫm câu như đã chẫm.

Hai, có mấy chỗ dịch nghĩa cần lưu ý :

- Ứng = ứng cúng ;
- Chánh đẳng giác (chánh đẳng chánh giác) = Chánh biến tri ;
- Minh hạnh viên mãn = Minh hạnh túc ;
- Vô thượng trượng phu = Vô thượng sĩ ;
- Điều ngự sĩ = Điều ngự trượng phu.

Ba, 10 đức hiệu này, quan trọng nhất là như lai, ứng cúng, chánh biến tri, nên trong kinh này, và nhiều chỗ khác, có khi chỉ nói 3 đức hiệu ấy.

## **B2. Bản nguyện**

*Mạn thù, đức thế tôn Được sư lưu ly quang như lai, xưa kia, khi làm hạnh bồ tát, đã phát ra mười hai đại nguyện, cốt làm cho mọi người thực hiện mọi sự mong ước.*

*Đại nguyện thứ nhất, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì bản thân ánh sáng rực rỡ, chiếu soi vô số thế giới hệ. Thân ấy lại được trang hoàng bằng tám hai tướng tốt của bậc đại trượng phu, và tám mươi tướng phụ. Lại làm cho mọi người không khác gì với con.*

*Đại nguyện thứ hai, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì thân như ngọc lưu ly, trong ngoài trong suốt, không chút vân đục, ánh sáng to lớn và chiếu tỏa xa rộng. Công đức đồ sộ, lại khéo an trú. Những tia sáng rực rỡ, dẹt nhau như mạng lưới, và tráng lệ quá hơn nhật nguyệt. Chúng sanh tối tăm được soi sáng cả, nên tùy ý hướng mà làm mọi sự nghiệp.*

*Đại nguyện thứ ba, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì vận dụng vô lượng trí tuệ và phương tiện, làm cho mọi người cùng được vô tận những vật hưởng dụng, không để cho ai có sự thiếu thốn.*

**Đại nguyện thứ tư, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì những kẻ đi theo tà đạo đều được làm cho ở yên trong đạo giác ngộ, những người tu theo thanh văn duyên giác đều được xây dựng bằng pháp đại thừa.**

**Đại nguyện thứ năm, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì vô số người tu hành phạn hạnh trong chánh pháp của con, con làm cho tất cả được giới thể không thiếu sót, trọn vẹn giới pháp ba loại. Giả sử phá phạm đi nữa, nghe danh hiệu con rồi là phục hồi thanh tịnh, không rơi vào đường dữ.**

**Đại nguyện thứ sáu, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, những kẻ thân hình thấp kém, giác quan không đủ, xấu xí, u mê, mù điếc, câm ngọng, tay quắp, chân queo, lưng gù phung lác, điên cuồng, đủ thứ bệnh khổ, nhưng nghe danh hiệu con rồi, tất cả đều đẹp đẽ, thông minh, giác quan hoàn bị, hết mọi bệnh khổ.**

Vạn 35/1 73a, dẫn kinh A tu la nói, Lưu ly quang bồ tát gặp Trí thắng phật thì bắt đầu phát ra đại nguyện tổng quát, nơi Bảo đánh phật mới phát ra đại nguyện riêng biệt. Lại dẫn kinh Thập phương chư Phật hiện tiền, nói, nơi Thanh long quang phật phát ra 12 đại nguyện. Như vậy, văn từ 12 đại nguyện chữ "ngã" phải dịch "con", vì là lời Bồ tát nguyện với Phật.

Tuệ giác vô thượng, nguyên Hoa văn ở đại nguyện 1 nói đủ là A nậu đa la tam niệu tam bồ đề (Anuttara - samyaka - sambodhi), ở 11 đại nguyện sau nói tắt là bồ đề. Đó là tuệ giác của Phật. Nói được tuệ giác ấy có nghĩa là nói thành Phật. Lại khéo an trú (thân thiện an trú), chữ thân bồ, vì nó đã là chủ từ cả đoạn văn này. Khéo an trú : khéo ngồi yên tịnh, khéo yên tịnh. Giới pháp ba loại (tam tụ giới) = giới pháp bồ tát, cùng lúc phải đủ nhiếp luật nghi (đạo ác) nhiếp thiện pháp (tu thiện) nhiều ích hữu tình (lợi người). Nghe danh hiệu con rồi là nói tắt. Nói đủ một chút thì "rồi, biết nhất tâm qui y, trì niệm, thì nhờ năng lực phước đức và uy thần của con..." "

**Đại nguyện thứ bảy, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, những kẻ bị mọi thứ bệnh khổ hành hạ mà không ai cứu giúp, không nơi nương tựa, không có y sĩ, không có dược liệu, không có thân thuộc, không có nhà cửa, nghèo nàn lắm khổ, thì danh hiệu của con, một khi đi qua thính giác của họ, là bệnh khổ tan biến, thân tâm an lạc, nhà cửa, thân thuộc và đồ dùng, đầy đủ tất cả, cho đến thực hiện được tuệ giác vô thượng.**

**Đại nguyện thứ tám, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, nếu có nữ nhân nào bị hành hạ bởi cả trăm thứ khổ sở của nữ nhân, nên cùng cực chán ngán, muốn thoát thân ấy, thì nghe danh hiệu con rồi, tất cả đều chuyển thân nữ nhân thành thân nam tử, đủ tướng trượng phu, cho đến thực hiện được tuệ giác vô thượng.**

**Đại nguyện thứ chín, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì làm cho mọi người thoát khỏi mạng lưới của ma vương, cởi mở thất buộc của ngoại đạo. Sa vào rừng rậm ác kiến thì sẽ được dẫn ra, đem đặt vào chánh kiến, và dần dần làm cho họ thực tập các hạnh bồ tát, để thực hiện một cách mau chóng tuệ giác vô thượng.**

**Đại nguyện thứ mười, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, thì những kẻ bị phép vua ghi sổ, xích trói đánh khảo, giam nhốt lao ngục, sắp bị hành hình, cộng với vô lượng tai nạn khổ nhục, bị thăm sâu muộn khác nữa, ngâm nấu bức bách, làm cho cả cơ thể lẫn tâm trí đều chịu thống khổ, nhưng nghe danh hiệu của con, thì vì năng lực phước đức và uy thần của con mà họ thoát hết mọi sự lo sợ khổ sở.**

**Đại nguyện mười một, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, những kẻ bị đói khát hành hạ, vì cầu cái ăn mà làm mọi ác nghiệp, nhưng nghe được danh hiệu của con, nhất tâm thọ trì, thì trước hết con làm cho họ no đủ cơ thể bằng thực phẩm tuyệt diệu, sau đó con sẽ đem cái vui cứu cánh của pháp vị mà xây dựng cho họ.**

**Đại nguyện người hai, nguyện con sau này, khi được tuệ giác vô thượng, những kẻ nghèo thiếu y phục, ngày đêm khổ sở vì muỗi mòng lạnh nóng, nếu nghe danh hiệu của con mà nhất tâm thọ trì, thì như sở thích của họ, họ được liền những thứ y phục tuyệt diệu, lại được những đồ trang sức bằng vàng ngọc.**

*Hoa vòng, hương xoa, âm nhạc hòa tấu và mọi kỹ thuật biểu diễn, tùy ý họ thích, con làm cho đầy đủ tất cả.*

*Mạn thù, đó là mười hai đại nguyện tối thượng, nhiệm mầu, của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, ứng cúng, chánh biến tri, đã lập ra khi còn làm hạnh bồ tát.*

Trong đại nguyện thứ 7, nhà cửa thân thuộc (gia thuộc tư cụ), tài liệu 9 (Anh văn, trang 4 dòng 11) dịch là gia tộc, bạn bè. Cho đến thực hiện được tuệ giác vô thượng, câu này, và những văn ý tương tự, có 2 điểm cần chú ý : (a) chính sự sống và phương tiện để sống, đã được sau khi trì niệm danh hiệu Phật, cũng là công cụ dẫn đến sự thành Phật ; (b) chữ cho đến là nói tắt sự tu dần các hạnh bồ tát. Pháp vị : mùi vị chánh pháp. Chánh pháp đem lại hoan lạc thật, bền, và cho cả thân lẫn tâm, nên gọi là pháp vị.

### **B3. Công đức, có 7C**

B3 này có 7C : 1. nói về y chánh trang nghiêm, 2. nói về đại dụng của danh hiệu, 3. nói về đại dụng của chú, 4. nói về đại dụng của sự phụng trì, 5. nói là chỗ hiểu biết sâu xa của Phật(42), 6. nói cách tiêu tai diên thọ, 7. nói sự hộ vệ của Dạ xoa. Tổng quát thì, bằng 7 cách nói, C3 này nói về y chánh, danh hiệu và diệu dụng, là 3 đại yếu công đức của đức Dược sư. Cũng nên nói thêm, công đức ấy là của đại nguyện, do đại nguyện thành tựu.

#### **C1. nói về y chánh trang nghiêm**

Nhưng văn này chỉ nói y báo trang nghiêm của đức Dược sư. Mà nói rất vắn tắt. Còn chánh báo trang nghiêm đã nói trong B1.

*Mạn thù, những đại nguyện tối thượng của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai đã lập ra khi còn làm hạnh bồ tát, và những công đức trang nghiêm của thế giới hệ đức Phật ấy, Như lai diễn tả trong một đại kiếp, hay hơn một đại kiếp, cũng không thể cùng tận. Thế giới hệ của đức Phật ấy hoàn toàn thanh tịnh, không có nữ nhân, không có ác đạo, không có cả đến cái tiếng thống khổ. Đất làm bằng ngọc lưu ly. Đường ngăn bằng giây vàng. Thành, cửa thành, cung điện, lầu gác, mái hiên, cửa sổ, lưới giăng, toàn bằng bảy thứ quý báu. Y như thế giới hệ Cực lạc ở phía tây, công đức trang nghiêm không khác gì cả.*

Đại kiếp (kiếp), kiếp này là đại kiếp. (TH 28/2326). Kiếp, Phạn tự là kalpa, âm : kiếp ba, nghĩa : trường thời (thời kỳ dài). Kiếp có tiểu, trung và đại. Sự sống con người từ 10 tuổi, cứ mỗi trăm năm tăng 1 tuổi, tăng đến 84.000 tuổi gọi là 1 tăng. Sự sống con người từ 84.000 tuổi, cứ mỗi trăm năm giảm 1 tuổi, giảm đến 10 tuổi gọi là 1 giảm. Mỗi 1 tăng hay mỗi 1 giảm gọi là tiểu kiếp ; mỗi 1 tăng và giảm gọi là trung kiếp (4 thời kỳ thành, trú, hoại, không, mỗi thời kỳ có 20 trung kiếp) ; 4 thời kỳ (nghĩa là 80 lần tăng và giảm) là 1 đại kiếp : đó là thuyết Câu xá luận. Mỗi 1 tăng và giảm mới là tiểu kiếp ; 20 tiểu kiếp (20 lần tăng và giảm) mới là trung kiếp, 4 thời kỳ thành, trú, hoại, không, mỗi thời kỳ có 1 trung kiếp, 4 thời kỳ (nghĩa là 80 lần tăng và giảm) là 1 đại kiếp : đó là thuyết Trí độ luận. Cả 2 thuyết đồng nhau về số lượng của đại kiếp.

Đường ngăn bằng giây vàng là chỉ hay lê đường bằng vàng. Lưới giăng : kể cả các đường xoi hồi văn. Bảy thứ quý báu : kinh Di đà nói là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ xích châu, mã não (suvarna, rupya, vaidurya, sphatika, musara galva, rohita-mukta, asmagarbha).

*Thế giới hệ ấy có hai vị đại bồ tát, thứ nhất danh hiệu Nhật quang biến chiếu, thứ hai danh hiệu Nguyệt quang biến chiếu. Đó là hai vị đứng đầu chúng bồ tát nhiều vô số lượng của thế giới hệ ấy, thứ lớp kế vị thành Phật, và cùng có khả năng nắm giữ kho tàng ngọc báu chánh pháp của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai. Thế nên, mạn thù, những thiện nam hay thiện nữ có đức tin hãy nguyện sanh thế giới hệ của đức Phật ấy.*

Thứ lớp kế vị thành Phật (thứ bồ Phật xứ), nghĩa đen : kế tiếp bỏ vào chỗ Phật. Thứ bồ Phật xứ cũng gọi tắt là bồ xứ : bỏ vào chỗ Phật. Lại hay thêm "nhất sanh bồ xứ": một đời nữa là bỏ vào chỗ Phật. Thêm bớt gì cũng chỉ một nghĩa : vị bồ tát chỉ còn một đời nữa là thành Phật, thay vào chỗ đức Phật của mình. Vị bồ tát như vậy gọi là bồ xứ bồ tát. Vì còn hệ thuộc một đời nên cũng gọi là nhất sanh sở hệ bồ tát. Như bồ xứ bồ tát của đức Thích ca là đức Di lạc, của đức Di đà là đức Quan âm, của đức Dược sư là đức Nhật quang (và sau đó là đức Nguyệt quang).

Nguyện sanh thế giới hệ của đức Phật ấy, chú ý : sanh, chứ không phải vãng sanh. Nói vãng sanh chỉ để dễ hiểu. Mười phương quốc độ đều duy Tâm sở hiện. Tâm uế thì sanh uế độ, Tâm tịnh thì sanh tịnh độ. Sanh nghĩa là hiện khởi, hiện hành.

## **C2. nói về đại dụng của danh hiệu, có 5 D**

Đại dụng ấy đâu phải chỉ năm ba việc. Sau đây chỉ là nói 5 việc làm điển hình mà thôi.

### **D1. diệt sự tham lẩn mà được sự bố thí**

*Lúc ấy, đức Thế tôn lại bảo Mạn thù đồng tử, Mạn thù, có những kẻ không nhận thức cái lẽ thiện ác, chỉ giữ thói tham lẩn mà không biết bố thí và phước báo bố thí. Ngu muội, không có trí tuệ, thiếu cả đức tin. Dồn chứa tài sản vàng ngọc cho nhiều, nỗ lực mà giữ. Thấy người xin đến, lòng họ không vui. Giả sử bắt đắc dĩ mà bố thí, thì lúc đó đau tức sâu xa như cắt thịt mình. Lại còn lẩn kẻ tham lẩn, dồn chứa tài sản, mà đối với bản thân của họ, họ còn không hưởng dụng, huống chi có thể đem cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người làm hay kẻ đến xin. Những kẻ ấy, sinh mạng kết thúc ở đây thì sanh trong thế giới quỷ đói hay súc vật. Nhưng xưa kia, khi ở trong loài người, từng được thoáng nghe danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, nên ngày nay, dẫu ở trong ác đạo, vẫn thoáng nhớ danh hiệu của đức Như lai ấy, và ngay khi nhớ thì chết ở ác đạo mà sanh lại loài người, được sự nhớ đời trước nên sợ nỗi khổ ác đạo mà không ham dục lạc, thích bố thí và ca tụng người bố thí. Có gì cũng không tiếc. Dần dần tiếp theo, dẫu mắt, tay chân, máu thịt, và những bộ phận khác của cơ thể, còn có thể đem cho người đến xin, huống chi những thứ tiền tài sản vật khác.*

Người làm (tác sứ) : người làm việc cho mình, người của mình sai sử. Ngay khi nhớ thì chết ở ác đạo mà sanh lại loài người, được sự nhớ đời trước nên sợ nỗi khổ ác đạo mà không ham dục lạc, thích bố thí và ca tụng người bố thí, đó là những hiệu quả tốt của sự nhớ lại danh hiệu Phật. Ở trong ác đạo mà nhớ lại được danh hiệu Phật mới khó. Nên chết liền ở ác đạo và nhớ đời trước ở đó chính là phước báo. Rồi dần dần có gì cho nấy, cho cả của ở trong là tư tưởng, sức lực, uy thế và cơ thể, thì đó là hành bồ tát đạo và cũng là hiệu quả của sự nhớ lại danh hiệu Phật.

### **D2. diệt sự phạm tội mà được sự giữ giới**

*Mạn thù, có kẻ dẫu thọ giới pháp với Như lai mà lại phá giới pháp ấy. Có kẻ không phá giới pháp mà phá qui tắc. Có kẻ đối với giới pháp và qui tắc tuy được sự không phá hoại, nhưng lại phá hoại chánh kiến. Có kẻ không phá hoại chánh kiến mà bỏ phước đa văn, nên đối với nghĩa lý sâu xa của kinh Phật nói không thể lý giải. Có kẻ tuy đa văn mà thượng mạn : vì thượng mạn úp che tâm trí nên cho mình phải, bảo người trái, ghét chê cả chánh pháp, làm bè đảng với ma. Những kẻ ngu si như vậy tự mình đã làm theo tà kiến, lại làm cho vô số người khác rơi xuống hố lớn nguy hiểm. Những kẻ ấy đáng lý trôi lăn vô cùng trong địa ngục, súc sanh và loài quỷ. Nhưng nếu được nghe danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, thì bỏ ngay tánh ác tu các pháp lành, và sẽ không sa vào các ác đạo. Giả sử có kẻ vẫn không thể bỏ ngay tánh ác, tu các pháp lành, và phải sa vào ác đạo đi nữa, thì nhờ uy lực đại nguyện của đức Dược sư lưu ly quang như lai mà làm cho họ thoáng nghe được danh hiệu của ngài, sinh mạng kết thúc ở ác đạo, sanh lại trong loài người, được chánh kiến, tinh tiến, và ý thích khéo thuần hóa, nên thoát ly gia đình, đi đến phi gia đình, ở trong pháp Như lai mà thọ giới, giữ giới, không có phạm giới mà lại chánh kiến, đa văn, lý giải nghĩa lý cực kỳ sâu xa mà lại viễn ly thượng mạn, không chê chánh pháp, không làm bạn ma, dần dần tu hành các hạnh bồ tát và đầy đủ một cách mau chóng.*

Qui tắc cũng là giới luật mà gồm hết các phần uy nghi và "kiền độ", nói tóm, là mọi qui định về tất cả sự tổ chức và sinh hoạt của hàng xuất gia. Thượng mạn = tăng thượng mạn, là sự kiêu ngạo cho mình đã được pháp tăng thượng. Ở đây là tự thị sự đa văn cho là đã thấu triệt. Đáng lý trôi lăn vô cùng, đáng lý, nguyên văn là ung, nghĩa đen : nên, phải, lẽ ra, đáng lý. Mà nói như vậy là gán như nói định nghiệp. Vậy mà nghe (và trì) danh hiệu Phật thì sự đáng lý ấy không còn nữa, chứn g tỏ diệu dụng của danh hiệu Phật thật lớn và mạnh. Nhờ uy lực đại nguyện của đức Dược sư lưu ly quang như lai mà làm cho họ thoáng nghe được danh hiệu của ngài, nên chú ý văn và nghĩa của câu "nhờ uy lực đại nguyện"... "Làm cho họ thoáng nghe" (linh kỳ hiện tiền tạm văn), đủ thì phải dịch : làm cho họ hiện tại thoáng nghe. Hiện tại đây là đang lúc sa vào ác đạo. Đi đến phi gia đình (thứ tự phi gia) thấy có người dịch từ Paly là sống không gia đình. Làm bạn ma : làm bè đảng với ma. Ma đây là ma vương.



### D3. diệt sự ganh ghét mà được sự giải thoát

*Mạn thù, có những kẻ tham lẫn ganh ghét, tán tụng bản thân, công kích kẻ khác, nên sẽ sa vào ba ác đạo, nhiều lần ngàn năm chịu mọi sự khổ sở khốc liệt. Chịu khổ sở khốc liệt rồi, sinh mạng kết thúc ở đó mà đến sanh trong loài người, thì làm trâu bò, lừa ngựa, lạc đà, thường bị đánh đập, đói khát hành hạ, lại luôn luôn mang nặng, chở nhiều, và đi theo đường phải đi ; hoặc được làm người thì sinh nơi hèn hạ, làm tôi tớ người, bị người sai sử, thường mất tự do. Nhưng nếu xưa kia, khi còn làm người, từng nghe danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, thì do nhân lành ấy mà nay nhớ lại, chí tâm qui y, nhờ thần lực của Ngài mà thoát hết khổ sở, giác quan tinh nhuệ, trí tuệ đa văn, thường cầu thắng pháp, thường gặp thiện hữu, dứt hẳn lưới ma, đập vỡ vô minh, khô sông phiền não, giải thoát hết thảy sinh lão bệnh tử, lo buồn khổ não.*

Trâu bò (ngưu), Hoa văn thì trâu bò gì cũng là ngưu, phân biệt chẳng là thủy ngưu hoàng ngưu mà thôi.  
Thắng pháp : chánh pháp hơn hết.

### D4. diệt sự hại nhau mà được sự thương nhau

*Mạn thù, có những kẻ tính thích chống đối, ly gián, đấu tranh, kiện tụng, gây bức tức và rối loạn cho bản thân và kẻ khác. Dem cả thân thể, lời nói và ý nghĩ mà tạo ra và thêm lớn đủ thứ ác nghiệp. Gây mãi cho nhau những sự bất lợi để mưu hại lẫn nhau. Cáo triệu những vị thần rừng núi, cây cối mồ mã, giết sinh vật lấy máu huyết mà cúng tế dạ xoa, la sát, viết tên người mình oán, làm hình và ảnh của người ấy, đem chú thuật tàn ác mà thư, ếm phù chú, dùng thuốc độc, chú qui khởi thi - dùng mọi cách này mà làm dứt sinh mạng người ấy, làm chết thân họ. Người ấy nếu được nghe danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, thì mọi việc dữ trên không cách nào hại được. Lại cùng kẻ kia, tất cả đôi bên đều nổi dậy từ tâm đối với nhau, làm lợi ích an lạc mà không còn ý thức thương tổn hay tâm lý ghét giận. Đôi bên cùng vui đẹp. Đối với những thứ mình hưởng thụ, ai cũng thích vừa đủ thì thôi, không muốn lấn nhau, chỉ làm lợi ích cho nhau.*

Gây mãi cho nhau những sự bất lợi để mưu hại lẫn nhau... (triển chuyển thường vì bất nhiều ích sự, hỗ tương mưu hại) cũng có thể dịch : gây mãi cho nhau những sự bất lợi, mưu hại lẫn nhau, bằng cách... Dạ xoa (dược xoa = yaksha) một loại quỷ ăn thịt người, mạnh, nhanh, khó lường, ở trên mặt đất, trong không gian và trên chư thiên. La sát (= raksasa) tên chung các ác quỷ, ăn uống máu thịt loài người, phi trong không hoặc đi trên đất, giống cái rất đẹp (và gọi là raksasi).

Thuốc độc (cổ đạo) : đồ độc luyện có thuật, với ác ý. Chú qui khởi thi nghĩa là chú cho thầy chết đứng dậy. Dùng chú Vetala tụng mà chú cho thầy chết đứng dậy, bảo đi giết người, gọi là qui khởi thi (Phạn : krtya, Paly : kicca). Người ấy nếu được nghe danh hiệu..., người ấy là "người mình oán" ở trên, là người bị thù oán. Lại cùng kẻ kia..., kẻ kia là kẻ thù oán, kẻ đã dùng mọi cách mà hại người ở trên. Đôi bên cùng vui đẹp (các các hoan duyệt) cũng có thể dịch nôm na là ai nấy đều vui vẻ. Thích vừa đủ thì thôi (hỷ túc = tri túc) dịch không thừa thì chỉ là thích đủ.

### D5. được sanh Cực lạc hay các sự chuyển sanh khác

*Mạn thù, trong bốn chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, và những thiện nam thiện nữ khác có đức tin thuần tịnh, nếu ai có khả năng thọ trì Bát quan trai giới, bằng cách hoặc cả năm hoặc ba tháng, thọ trì giới ấy. Rồi đem thiện căn này nguyện sanh thế giới hệ Cực lạc ở phía tây, chỗ A di đà phật, để được nghe chánh pháp của ngài, nhưng chưa quyết định. Nếu nghe danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, thì đến khi sinh mạng kết thúc, có tám vị đại bồ tát danh hiệu Văn thù sư lợi bồ tát, Quan thế âm bồ tát, Đắc đại thế bồ tát, Vô tận ý bồ tát, Bảo đàn hoa bồ tát, Dược vương bồ tát, Dược thượng bồ tát và Di lạc bồ tát, tám vị đại bồ tát này lướt không gian mà đến, chỉ đường cho người ấy. Tức thì người ấy tự nhiên hóa sinh trong hoa sen bằng các thứ ngọc, và đủ mọi màu sắc xen lẫn với nhau, của thế giới hệ Cực lạc.*

Cả năm (nhất niên) : trọn một năm, mỗi năm. Cả năm thọ trì Bát quan trai giới là mỗi tháng trong một năm thọ trì 6 ngày : 8, 14, 15, 23, 29, 30 (tháng thiếu thì lui lại các ngày 28, 29). Ba tháng là mỗi năm thọ trì Bát quan trai giới bằng cách chay tịnh 3 tháng : giêng, năm và chín.

Danh hiệu 8 vị đại bồ tát là trích bản dịch 1 (Chính 21/533d) mà bổ túc. Danh hiệu ấy, Phạm tự như sau, trích tài liệu 9.

- Manjushri,
- Avalokitesvara,
- Mahasrghama prapta,
- Akohayamati,
- Pouh thang tha (Hoa văn),
- Bhaishajyaraja,
- Bhaisajyasamudgata,
- Maitreya.

Đoạn này nói danh hiệu của đức Dược sư làm cho những người nguyện sanh Cực lạc được quyết định sanh thế giới hệ ấy. Đoạn dưới đây nói danh hiệu của Ngài làm cho người sanh lên cõi trời, hoặc làm cho người chuyển nữ thành nam :

***Cũng có người nhờ sự ấy mà sanh lên cõi trời. Tuy sanh lên cõi trời, nhưng thiện căn xưa cũng chưa cùng tận, và không còn sanh lại tại các ác đạo. Mà sự sống lâu trên cõi trời chấm hết thì sanh lại trong nhân gian. Bằng cách hoặc sanh làm luân vương, thống nhiếp cả bốn đại châu, uy đức tự tại, xây dựng vô lượng trăm ngàn chúng sanh vào mười thiện nghiệp. Hoặc sanh vào dòng sát đế lợi, bà la môn, cư sĩ, đại gia, nhiều tiền tài, lăm vàng ngọc, kho bồ hòn đầy, thân hình và tướng mạo đều đẹp đẽ trang nghiêm, bà con và bạn bè cùng đầy đủ, trí tuệ thông minh, sức lực mạnh mẽ như đại lực sĩ. Nếu là phụ nữ mà được nghe danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, nhất tâm thọ trì, thì về sau không còn chịu lại thân thể phụ nữ.***

Sự ấy và thiện căn xưa đều chỉ cho việc thọ trì Bát quan trai giới cả năm hay ba tháng nói trên. Đại gia : gia đình thế tộc hoặc tôn xưng phụ nữ (đại gia = đại cô). Luân vương = chuyển luân vương. Luân vương có 7 thứ quý báu, nhưng quan trọng là bánh xe (luân). Luân vương có 4 : bánh vàng, bánh bạc, bánh đồng, bánh sắt. Luân vương có bánh xe vàng thì thống trị cả 4 đại châu : đông là Thắng thần châu, nam là Thiệm bộ châu, tây là Ngưu hóa châu, bắc là Câu lô châu. Các vị luân vương khác, bánh xe sắt chỉ thống trị 1 đại châu phía nam, bánh xe đồng chỉ thống trị 2 đại châu phía nam và phía tây, còn bánh xe bạc chỉ thống trị 3 đại châu phía nam, phía tây và phía đông.

Mười thiện nghiệp là đình chỉ 10 ác nghiệp :

Thân không sát sanh,

không trộm cướp,  
không dâm dục,

Miệng không nói dối trá,

không nói thêu dệt,  
không nói hai lưỡi,  
không nói thô ác,

Ý không tham lam,

không sân hận,  
không tà kiến,

### **C3. nói về đại dụng của chú**

Trọn phần này trích bản dịch 5) (Chính 14/414g) mà bổ túc.

***Mạn thù, khi đức Dược sư lưu ly quang như lai thành tựu tuệ giác vô thượng bồ đề, thì do năng lực đại nguyện xưa mà quán sát chúng sanh bị mọi bệnh khổ, như những bệnh gây ốm, co quắp, tiêu khô, vàng***

*nóng, hoặc bị trúng bùa ám, thuốc độc, hoặc chết non, chết ngang trái. Muốn làm cho họ tiêu trừ những bệnh khổ ấy, sở cầu mãn nguyện, nên bây giờ đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai nhập định danh hiệu Diệt trừ mọi khổ não của chúng sanh. Nhập định ấy rồi, từ trong nhục kế phóng ra ánh sáng lớn. Trong ánh sáng này diễn ra đà la ni vĩ đại sau đây : Nam mô, Bạc già phạt đế, bệ sát xã lữ rô - bệ lưu ly bát lật bà - hát ra xà dã, đát tha yết đa dã, a ra hát đế, tam miệu tam bột đà da, đát diệt tha : Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ - bệ sát xã - tam một yết đế, sa ha. Khi trong ánh sáng diễn ra đà la ni vĩ đại ấy rồi, đại địa chấn động, phóng ánh sáng lớn, hết thấy chúng sanh bệnh khổ tiêu trừ, hưởng được cái vui yên ổn. Mạn thù, nếu thấy nam tử hay nữ nhân, ai bị bệnh khổ, thì nên nhất tâm vì bệnh nhân ấy mà luôn luôn tinh khiết, tắm rửa, súc miệng, rồi đem thực phẩm, dược phẩm, hay nước không có trùng, trì chú này một trăm lễ tám biến, cho họ uống, ăn, thì bệnh khổ họ có tiêu tan tất cả. Nếu có cần gì, chí tâm tụng niệm thì cũng được như vậy, lại không bệnh, thêm tuổi và sau khi sinh mạng kết thúc thì sanh thế giới hệ của đức Dược sư lưu ly quang như lai, được sự không còn thoái chuyển cho đến tuệ giác bồ đề. Vì vậy, Mạn thù, nếu có nam tử nữ nhân nào đối với đức Dược sư lưu ly quang như lai mà chí tâm, tha thiết, cung kính, cúng dường, thì hãy thường trì chú này, đừng để phế bỏ, quên mất.*

Trước hết, đây là mấy chỗ cần âm thích. Thuốc độc (cô độc = cô đạo) : coi lại trang 105. Chết ngang trái (hoạnh tử), hoạnh là phi lý, bất trắc, dữ dội ; hoạnh tử là chết không đáng, ngang trái, dữ dội hay bất trắc. Đà la ni (dharani) dịch tông trì, có nghĩa nắm giữ toàn thể. Ở đây, đà la ni là chú, 1 trong 4 đà la ni (văn, nghĩa, chú, nhẫn). Chú mà gọi đà la ni, vì chú do thiên định phát khởi và tông trì vô lượng văn nghĩa, vô lượng công đức. Mật giáo còn nói, đà la ni dịch là minh (đà la ni do ánh sáng của Phật diễn ra) là chú (hiệu nghiệm như thần, diệt trừ tai họa) là mật ngữ (không thể hiểu nổi) là chân ngôn (lời nói chân thật của Phật). Luôn luôn tinh khiết, dịch luôn luôn là vì có bản chép chữ thường vào đây. Nhưng tuồng như không cần phải như vậy.

Trừ trường hợp muốn như vậy.

Bây giờ có 4 chi tiết quan trọng cần nói.

Chi tiết thứ I, theo bản dịch 1 (Chính 21/536) thì tên 12 đại tướng Dạ xoa và chú này đều do Cứu thoát bồ tát nói. Xét văn ý xuất xứ trên, và văn ý của chú, thấy như vậy có lý hơn.

Chi tiết thứ 2, sau đây là Phạm tự của chú, trích tài liệu 9, phần Anh văn, trang 11 : Namo bhagavate bhaishajyaguru vaiduryaprabha rajaya tathagataya arhate samyaksambuddhaya tadyatha. Om bhaishajye bhaishajya samudgate svaha.

Chi tiết thứ 3, Vạn 35/189a nói, Nam mô (namo) dịch qui y. Bạc già phạt đế (bhaigavate) dịch thế tôn. Bệ sát xã lữ rô (bhaishajyaguru) dịch Dược sư. Bệ lưu ly bát lật bà - hát ra xà dã (vaiduryaprabha-rajaya) dịch âm và nghĩa là lưu ly quang. Đát tha yết đa dã (tathagataya) dịch như lai. A ra hát đế (arhate) dịch ứng cúng. Tam miệu tam bột đà da (samyaksambuddhaya) dịch chánh biến tri. Đát diệt tha (tadyatha) dịch tức thuyết chú viết. Liên lạc lại, có nghĩa : Qui kính đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, ứng cúng, chánh biến tri, nói chú như sau. Từ chữ Án đến chữ sa ha mới là chú, mật ngữ.

Chi tiết thứ 4, tôi cắt in ảnh nơi 2 trang phụ sau đây : a. nguyên Phạm tự cổ của chú này (và 1 câu tiêu chú), cắt Vạn 35/196a ; b. nguyên Phạm tự cô, và một lối dịch âm khác, của chú này, cắt Chính 19/21

#### **C4. nói về đại dụng của sự phụng trì, có 3 D**

Đại dụng này cũng không phải chỉ năm ba việc. Sau đây chỉ là nói điển hình mà thôi.

##### **D1. Phật dạy tổng quát và ngài Văn thù phát nguyện**

*Mạn thù, nếu nam tử hay nữ nhân có đức tin thuần tịnh, được nghe danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, ứng cúng, chánh biến tri, nghe rồi trì niệm. Sáng sớm đánh răng, tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, đem các thứ hương hoa, trong đó có hương đốt, hương xoa, và diễn tấu kỹ nhạc mà cúng dường hình tượng của ngài. Đối với kinh này, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, nhất tâm thọ trì, nghe học nghĩa lý. Đối với pháp sư giảng giải kinh này, cũng nên cúng dường, mọi đồ giúp sống thân thể mà mình có, hãy cúng dường đầy đủ, đừng để vị ấy thiếu thốn. Như vậy thì được chư Phật hộ niệm, sở cầu mãn nguyện, cho đến thực hiện tuệ giác bồ đề.*

Lời này, cũng như trọn C3 ở trên, vẫn trích Chính 14/414d, nhưng đã đổi những chữ "bảy đức Phật như trên" (như thượng thất Phật) thành những chữ "đức Dược sư lưu ly quang" (Dược sư lưu ly quang). Lời này chỉ tài liệu 4 (bản dịch 5) có.

Lời này Phật dạy tổng quát về sự cúng dường hình tượng đức Dược sư, cúng dường kinh Dược sư, và cúng dường pháp sư giảng dạy kinh ấy. Ích lợi của sự cúng dường như trên là được chư Phật hộ niệm. Hộ niệm : gia hộ, tưởng nhớ, truyền cảm hứng. Được chư Phật hộ niệm nên cầu gì được nấy, cho đến thực hiện tuệ giác bồ đề (nghĩa là thành Phật). Tuệ giác bồ đề, chữ tuệ giác là thêm cho dễ hiểu, thật ra chính bồ đề là tuệ giác. Nhưng nói bồ đề chỉ là nói tắt A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Trong lời trên, còn nên chú ý câu diễn tấu kỹ nhạc (tác chúng kỹ nhạc). Cứ như chỗ tôi hiểu, thì tác chúng kỹ nhạc có 2 nghĩa hẹp và rộng. Hẹp thì chỉ có nghĩa hòa tấu các nhạc khí. Rộng thì có nghĩa biểu diễn các kỹ thuật, trong đó có sự hòa tấu nhạc khí.

***Lúc ấy Mạn thù đồng tử bạch Phật, bạch đức Thế tôn, con nguyện khi thời kỳ Phật pháp tương tự xuất hiện, thì dùng mọi cách làm cho những thiện nam hay thiện nữ có đức tin thanh tịnh được nghe danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai. Cho đến trong lúc ngủ, con cũng đem danh hiệu Ngài thức tỉnh thánh giác của họ. Bạch đức Thế tôn, đối với kinh này thì thọ trì đọc tụng hay tuyên thuyết khai thị cho người, tự chép hay bảo người chép, cung kính tôn trọng, đem hiến cúng những thứ hương hoa, hương xoa, hương vụn, hương đốt, vòng hoa, chuỗi ngọc, tràng phan, bảo cái, và kỹ thuật biểu diễn, trong đó có âm nhạc. Lấy tơ lụa có năm màu sắc làm bao mà đựng. Quét rưới chỗ thanh tịnh, trần thiết đá cao mà để. Thì khi ấy bốn đại thiên vương, cùng tùy thuộc của họ, và vô số trăm ngàn thiên chúng, đều đến chỗ đó mà cúng dường, hộ vệ. Bạch đức Thế tôn, những chỗ kinh bảo này lưu hành, có ai thọ trì được, thì vì bản nguyện, công đức, và danh hiệu được nghe, của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, mà nên biết chỗ ấy không còn chết ngang trái, không còn bị những quỷ thần ác đoạt mất tinh chất. Đã bị đoạt thì được lại như cũ, thân tâm an lạc.***

Khi thời kỳ Phật pháp tương tự xuất hiện, là khi tượng pháp xuất hiện. Nhưng tra các bản dịch, câu này khác nhau như sau : Bản dịch 1 "Phật khừ thế hậu" (Chính 21/533d), bản dịch 3 "hậu thời" (Chính 14/403t) ; bản dịch 5 "mạt pháp" (Chính 14/4 14d). Sở dĩ tôi quan tâm và tra kỹ, vì như trước tôi đã nói, tôi không tin kinh này chỉ nói cho người tượng pháp.

Dá cao (cao tòa) tòa là cái đá, cái ghế hay bàn. Bốn đại thiên vương : đông là Trì quốc (Dhritarastra), nam là Tăng trưởng (Virudhaka), tây là Quảng mục (Virupaksa), bắc là Đa văn (Dhanada hay Vaisramana) ; 4 vị này hộ vệ 4 đại châu loài người nên gọi là 4 thiên vương hộ thế (hộ vệ thế gian). Tinh chất (tinh khí), tài liệu 9 (Anh văn, trang 13) và Pđ 251It đều có ý nói là khí lực tinh thần của con người. Tôi cho chữ này chỉ có nghĩa đen thông thường, nghĩa là nói về tinh khí thật. Nhưng, để bớt thô, tôi đã đổi tinh khí ra tinh chất. Còn muốn hiểu chữ tinh khí với nghĩa rộng thì như Pđ 349d dẫn kinh Đại tập 52 nói, tinh khí có 3, là của đất, của chúng sanh và của pháp ; 3 thứ này được tăng trưởng bởi sự dưỡng dục Phật pháp, xí nhiên Tam bảo chúng cho tồn tại lâu dài ở thế gian.

## **D2. Phật chỉ cách thức và nói ích lợi**

***Phật dạy, Mạn thù, đúng như vậy, đúng như ông nói. Mạn thù, nếu có thiện nam thiện nữ đức tin thanh tịnh, muốn cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, thì trước hết, hãy tạo lập hình tượng của ngài, trần thiết tòa thanh tịnh mà đặt để. Rãi các thứ hoa, đốt các thứ hương, đem các thứ tràng phan mà trang hoàng chỗ ấy. Bảy ngày đêm thọ Bát quan trai giới, ăn đồ ăn thanh tịnh. Tắm gội cho sạch và thơm, mặc y phục sạch sẽ. Nên phát sanh tâm không dơ bẩn, tâm không giận dữ tác hại. Nghĩa là đối với hết thảy chúng sanh khởi lên cái tâm lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả và bình đẳng. Rồi tấu nhạc và ca tụng, nhiễu quanh tượng Phật Dược sư lưu ly quang như lai theo chiều hướng bên phải. Lại nên tưởng niệm bản nguyện và công đức của đức Như lai ấy, đọc tụng kinh này, tư duy nghĩa ý và diễn giảng khai thị. Như vậy thì mọi sở cầu đều toại ý : cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu có được giàu có, cầu quan chức được quan chức, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái.***

Cách thức phụng thờ tượng và thọ trì kinh của đức Dược sư mà đoạn này chỉ, ngoài hình thức cần có, còn có sự thọ trì Bát quan trai giới, và khởi tâm từ bi lợi ích đối với toàn thể. Như vậy có nghĩa mọi việc phải xuất từ tâm lý vị tha. Còn lợi ích thực hiện được thì có 2 phần : phần được phước (đoạn này nói) và phần khởi

nạn (đoạn sau nói). Phần được phước thì phúc lộc thọ đủ cả. Lại rất nên thêm sự cầu nguyện làm thành việc đáng làm, "cầu làm thành việc gì thì làm thành việc ấy".

### **D3. Phật nói ích lợi trong sự khỏi nạn**

*Nếu ai bỗng nhiên bị ác mộng, thấy đủ cảnh tượng khủng khiếp, hoặc bị những giống chim quái dị đến tập hợp lại, hoặc chỗ ở có cả trăm sự quái dị xuất hiện, kẻ ấy nếu đem những đồ tuyệt diệu cung kính cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, thì những ác mộng và những cảnh tượng khủng khiếp, những sự không cát tường, ẩn mất tất cả, không thể tác hại. Nếu ai bị những sự hãi sợ như thủy tai, hỏa hoạn, khí giới, độc chất, chơi voi giữa chừng, sa xuống chỗ hiểm, voi dữ, sư tử, cọp, sói, gấu, bị rắn độc, bò cạp, rít, sâu, muỗi, nhặng, mà chí tâm tưởng niệm được đức phật Dược sư lưu ly quang như lai, cung kính cúng dường, thì mọi sự hãi sợ đều thoát được cả. Nếu ai bị nước khác xâm lăng, quấy nhiễu, nội bộ trộm cướp phản loạn, tưởng niệm cung kính đức Như lai ấy, cũng thoát hết thảy.*

Đoạn này khỏi 3 tai nạn : mọi sự quái dị, mọi sự hãi sợ và quốc gia bất an. Sau đây có vài chỗ cần âm thích. Độc chất (độc) cũng bao gồm độc khí. Sâu (do diên) - Thereuonema tuberculata. Nước khác xâm lăng quấy nhiễu, không những đối với lãnh thổ mà còn đối với chính trị, văn hóa và kinh tế (TH 28/2372).

*Mạn thù, nếu có thiện nam thiện nữ đức tin thuần tịnh, cho đến hết đời, không thờ vị trời nào khác, chỉ nhất tâm qui y Phật Pháp Tăng, thọ trì giới pháp, như năm giới, mười giới, bốn trăm giới của Bồ tát, hai trăm năm mươi giới của Tỷ kheo, năm trăm giới của Tỷ kheo ni. Nhưng đối với giới pháp của họ thọ trì, hoặc có kẻ phá phạm nên sợ đọa lạc ác đạo. Nếu biết chuyên tâm trì niệm danh hiệu đức phật Dược sư lưu ly quang như lai, cung kính cúng dường, thì quyết chắc không phải lãnh chịu đời sống trong ba ác đạo.*

Đây là khỏi tai nạn đọa lạc ác đạo nếu phạm giới. Nhưng phạm giới mà biết sợ đọa lạc ác đạo nên trì niệm danh hiệu đức Dược sư, mới khỏi tai nạn ấy. Còn không biết sợ hay vẫn tái phạm mãi thì lại khác.

*Nếu có nữ nhân nào, lúc gần sinh sản, chịu đựng đau đớn cùng cực, mà biết chí tâm trì niệm danh hiệu, lễ bái, ca tụng, cung kính, cúng dường đức Như lai ấy, thì mọi nỗi đau đớn tan biến tất cả. Đứa con sinh ra, mọi bộ phận của thân hình đều hoàn bị, sắc tướng của thân hình ấy đẹp và nghiêm, ai thấy cũng hoan hỷ, giác quan tinh nhuệ, trí tuệ thông minh, yên ổn, ít bệnh, không có một kẻ không phải người đọa mất tinh chất của đứa con ấy.*

Đây là khỏi sản nạn. Mẹ đã khỏi nạn mà con sinh ra cũng hoàn hảo. Kẻ không phải người (phi nhân) là những loài không phải loài người.

### **C5. nói là chỗ hiểu biết sâu xa của Phật**

*Lúc ấy đức Thế tôn bảo tôn giả A nan, công đức mà đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai có, mà Như lai đã ca tụng, là chỗ hiểu biết cực kỳ sâu xa của chư Phật, khó mà lý giải, ông tin được không? Tôn giả A nan bạch Phật, bạch đức Thế tôn uy đức cao cả, đối với kẻ kinh Ngài dạy, con không sinh tâm nghi ngờ. Tại sao, vì thân thể, lời nói và ý nghĩ của các đức Như lai, không động tác nào mà không thanh tịnh. Bạch đức Thế tôn, vầng nhật nguyệt kia có thể làm cho rơi rụng, và Tu di, hòn núi chúa tể trong các hòn núi, cũng có thể làm cho nghiêng đổ, nhưng lời nói của chư Phật thì không thể làm cho khác đi được. Tuy nhiên, bạch đức Thế tôn, có những kẻ đức tin không đủ, nghe nói chỗ hiểu biết cực kỳ sâu xa của chư Phật thì nghĩ, tại sao chỉ trì niệm một danh hiệu Phật của đức Dược sư lưu ly quang như lai mà thu hoạch bao nhiêu công đức và ích lợi vượt bậc như vậy. Vì sự không tin này mà quay lại phi báng. Những kẻ ấy suốt đêm trường mất lợi lạc lớn, đọa lạc ác đạo, trôi lăn không cùng. Phật dạy tôn giả A nan, những kẻ ấy nếu nghe được danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, chí tâm thọ trì, không sinh nghi hoặc, mà vẫn đọa lạc ác đạo là điều không có. A nan, đó là chỗ hiểu biết cực kỳ sâu xa của chư Phật, khó thể tin và hiểu. Nay ông tiếp nhận được, phải biết toàn là do uy lực Như lai. A nan, hết thảy Thanh văn, Độc giác, và các vị Bồ tát chưa bước lên thập địa, đều không thể tin và hiểu một cách đúng như sự thực, chỉ trừ các vị Bồ tát còn hệ thuộc một đời mà thôi. A nan, thân thể loài người khó mà có được, sự tin tưởng tôn kính Tam bảo càng khó mà có được, nhưng nghe danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai lại khó được hơn những sự khó được ấy. A nan, vô lượng Bồ tát hạnh, vô lượng thiện phương tiện, và vô lượng quảng đại nguyện, của đức Dược sư lưu ly quang như*

*lai, trong một đại kiếp hay hơn một đại kiếp, Như lai nói một cách đầy đủ, thì đại kiếp ấy có thể kết thúc mau chóng, còn hạnh nguyện và phương tiện của đức Phật này vẫn không cùng tận.*

Kết thúc kinh Di đà, đức Phật nói như sau, "Xá lợi phất, như ta bây giờ xưng tụng công đức bất khả tư nghị của chư Phật, thì chư Phật ấy cũng xưng tụng công đức bất khả tư nghị của ta, bằng cách nói rằng, đức Phật Thích ca mâu ni làm được cái việc rất khó, hiếm có, là có thể ở trong thời kỳ dữ dội của quốc độ Sa bà, thời kỳ đầy cả 5 thứ vắn đục là thời kỳ vắn đục, kiến thức vắn đục, tâm lý vắn đục, con người vắn đục và đời sống vắn đục, mà thực hiện tuệ giác vô thượng bồ đề, lại còn vì mọi người nói cái pháp mà toàn thể thế gian khó tin này. Xá lợi phất, ông nên biết ta đã ở trong thời kỳ dữ dội đầy cả 5 thứ vắn đục mà làm việc khó làm, ấy là thực hiện tuệ giác vô thượng, lại vì toàn thể thế gian nói cái pháp khó tin này, thì đó là việc rất khó". Hãy đối chiếu đoạn văn này với đoạn văn trên, cũng thấy phần nào tình ý của Phật.

Chỗ hiểu biết cực kỳ sâu xa của chư Phật (chư Phật thậm thâm hành xứ), bản dịch 3 (Chính 14/403g) và bản dịch 5 (Chính 14/415g) đều dịch "thậm thâm cảnh giới". Vậy hành xứ = cảnh giới. Ngài Thái hư nói, hành xứ có 2 nghĩa : một, hành xứ là chỗ biết của Phật ; hai, hành xứ là chỗ làm của Phật (TH 28/2376). Ở đây, công đức của đức Dược sư, trong đó có ích lợi mà danh hiệu của ngài đem lại cho chúng sanh, là chỗ chỉ Phật làm và Phật biết, nên gọi là "thậm thâm hành xứ". Hành xứ tuy có đủ 2 nghĩa như vậy, nhưng nghĩa sau dễ hiểu nên tôi đã dịch "chỗ hiểu biết".

Đêm trường (trường dạ) : thì gian dài. Ở đây chỉ cho cảnh giới sanh tử : vừa dài dặc vừa tối tăm (vì vô minh mà thiếu cả chánh tín). Bồ tát còn hệ thuộc một đời mà thôi (nhất sanh sở hệ bồ tát) coi âm thích "thứ lớp kẻ vị thành Phật", trang 102. Nhưng 1 đời có 2 : (a) các vị đẳng giác bồ tát chỉ còn 1 đời ứng thân nữa là thành Phật, mới thật là 1 đời ; (b) các vị thập địa bồ tát tuệ mạng báo thân liên tục, không còn phân đoạn sanh tử, nên cũng có thể gọi là 1 đời. Thiện phương tiện = thiện xảo phương tiện.

## **C6. nói cách tiêu tai diên thọ, có 5 D**

### **D1. chỉ cách tiêu tai diên thọ**

*Lúc ấy trong chúng hội có một vị đại sĩ danh hiệu Cứu thoát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai áo bên phải, gối bên phải quỳ xuống sát đất, cong mình, chắp tay mà bạch Phật, bạch đức Thế tôn uy đức cao cả, khi thời kỳ Phật pháp tương tự xuất hiện, có những kẻ bị mọi thứ bệnh hoạn làm cho nguy khốn. Bệnh mãi, gầy ốm, ăn uống không được, cổ và môi đều khô nóng. Nhìn mọi phía đều đen tối. Tướng chết xuất hiện. Cha mẹ, anh em, bà con, bạn bè, quen biết, khóc lóc vây quanh. Nhưng bản thân bệnh nhân thì tuy vẫn nằm chỗ của mình, mà lại thấy sứ giả Diêm vương dẫn thần thức của mình đến trước vị vua chấp pháp này. Nguyên mọi người đều có vị thần cùng sanh, tùy việc họ làm, tội cũng như phước, ghi chép đầy đủ, và bây giờ trao cả cho Diêm vương. Diêm vương tra hỏi kẻ ấy, tính việc họ làm, tùy tội và phước mà xử phán. Chính trong lúc này, thân thuộc hay quen biết của bệnh nhân, nếu biết vì họ mà qui y đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, cung thỉnh chư Tăng đọc tụng kinh này, đốt cây đèn bảy tầng, treo phan thần "tiếp nối mạng sống" bằng năm màu. Thì hoặc có kẻ nơi đây thần thức về được, và như trong chiêm bao, tự thấy rõ ràng. Hoặc trải qua bảy ngày, hoặc hai mươi một ngày, hoặc ba mươi lăm ngày, hoặc bốn mươi chín ngày, khi thần thức về được thì như từ chiêm bao thức dậy, tự nhớ biết tất cả quả báo của thiện nghiệp ác nghiệp. Nhờ tự chứng kiến nghiệp báo, nên đến nỗi gặp phải tai nạn cho sinh mạng, cũng không tạo tác ác nghiệp. Vì vậy, những thiện nam thiện nữ đức tin thuần tịnh, hãy thọ trì danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, tùy sức có thể mà cung kính cúng dường.*

Thời kỳ Phật pháp tương tự (Tượng pháp) chỉ bản dịch 5 cũng dùng chữ này (Chính 14/415g), còn bản dịch 1 không dùng chữ gì (Chính 21/535g), bản dịch 3 dùng chữ "vị lai thế" (Chính 14/403d). Nhìn mọi phía đều đen tối (kiến chư phương ám) là tả hiện tượng sắp chết, mà là cái chết đọa lạc ác đạo. Diêm vương (Diêm ma pháp vương = Yama-raja) dịch nghĩa là Phược : trói buộc tội nhân, Bình đẳng vương : bình đẳng trị tội. Diêm vương là tổng quản địa ngục. Sứ giả Diêm vương (Diêm ma sứ) là lính qui mà Diêm vương sai bắt dẫn những kẻ làm ác. Khác với thiên sứ của Diêm vương, thiên sứ ấy là các sự già bệnh và chết. Vị vua chấp pháp (Diêm ma pháp vương) là Diêm vương : Diêm vương chấp chương pháp quyền ở địa ngục, nên gọi như vậy.

Thần thức : nghiệp thức và trung hữu. Vị thần cùng sanh (câu sanh thần) : thần năm tháng ngày giờ sinh hay bản thức. Bản thức là tổng thể dị thực, lại tiếp nhận huân tập và chấp trì chủng tử của nghiệp, nên gọi là thần

câu sanh. Vạn 35/177a nói, do nghiệp lực mà ý thức bệnh nhân hiện 4 tướng : sứ giả Diêm vương, thần thức của mình, Diêm vương và thần cùng sanh. Có kẻ nơi đây (hoặc hữu thị xứ), thị xứ (nơi đây) là ngay nơi cái lúc làm phước đây, do người thân làm cho bệnh nhân sắp chết. Thần thức về đờc (bỉ thức đắc hoàn) : sinh mạng là bản thức liên tục chấp trì, chết là ý thức hết khởi phân biệt, sống là ý thức lại khởi phân biệt. Về hay không về, chỉ có nghĩa ý thức tái tục phân biệt hay gián đoạn phân biệt. Nhưng bản thức biến nhất thể xứ. Chết chỗ này sanh chỗ kia là "tiền dị thực ký tận, phục sanh dư dị thực". Không làm gì có sự đi, về, qua, lại (TH 28/2388). Như trong chiêm bao, tự thấy rõ ràng, là tự thấy rõ ràng như thấy trong chiêm bao. Tự thấy rõ ràng là tự thấy rõ những hình phạt mình bị phán chịu ở địa ngục, lại càng tự thấy rõ người thân làm phước cho mình. Sự tự thấy này, cũng như sự tự nhớ của những người mới chết 7 đến 49 ngày, và tự thấy tự nhớ rồi đầu nguy đến tánh mạng cũng không dám làm ác, toàn là do thần lực của đức Dược sư.

## **D2. chỉ thêm cách tiêu tai diên thọ, đặc biệt tiêu bệnh khổ**

*Lúc ấy tôn giả A nan hỏi bồ tát Cứu thoát, thiện nam tử, nên bằng cách nào cúng kính cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai ? Phan và đèn "tiếp nối mạng sống" nên làm cách nào ? Bồ tát Cứu thoát nói, đại đức, nếu bệnh nhân muốn thoát bệnh khổ, nên vì họ mà bảy ngày đêm thọ trì Bát quan trai giới. Nên đem đồ ăn, đồ uống và đồ dùng, tùy sức liệu biện mà cúng dường Tỷ kheo tăng. Ngày đêm sáu buổi lễ bái cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai. Đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến. Đốt bốn mươi chín ngọn đèn. Tạo hình tượng đức Như lai ấy bảy vị. Trước mỗi hình tượng để bảy ngọn đèn, cái lượng mỗi ngọn đèn lớn như bánh xe. Và đến bốn mươi chín ngày đêm, ánh sáng không dứt. Còn làm phan năm màu thì dài bốn mươi chín gang tay. Nên phóng sanh đến bốn mươi chín giống khác nhau. Như vậy thì có thể qua đờc tai nạn nguy khốn, không bị mọi thứ ngang trái và quỷ dữ tác hại.*

Gom các đoạn trước và đoạn này nữa, cách thức tiêu tai diên thọ có cái mà ngày nay gọi là đàn Dược sư. Đàn này gồm có 2 phần chính là phan và đèn. Phan bằng vải 5 màu, dài 49 gang. Đèn có 7 tầng, mỗi tầng thiết 1 hình tượng đức Dược sư và đốt 7 ngọn đèn càng lớn càng tốt(43). Thì gian là 49 ngày đêm, treo phan, đốt đèn, lạy tượng Dược sư mỗi ngày đêm 6 lần cách đều, trì kinh Dược sư 49 ngày đêm mỗi ngày đêm 1 biến. Thân thì tắm rửa sạch sẽ, mặc đồ sạch (và mới càng tốt). Miệng thì súc rửa sạch sẽ, ăn uống đồ thanh tịnh (nhất là nói càng phải thanh tịnh). Ý thì phát khởi từ bi, muốn ích lợi cho tất cả một cách bình đẳng. Trong thì gian 49 ngày làm đàn Dược sư như vậy còn làm 3 việc nữa : thọ trì Bát quan trai giới, tùy sức cúng dường Tỷ kheo tăng, và phóng sanh đến 49 loại (mỗi loại 49 con, hay 49 ngày đêm phóng sanh 1 lần).

Sau đây là mấy chỗ cần âm thích. Ngày đêm sáu buổi lễ bái cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, hãy chú ý chữ lễ bái cúng dường : nhiều lúc nghĩa là lễ bái và cúng dường, nhiều lúc nghĩa là đem sự lễ bái mà cúng dường. Ở đây có cả hai nghĩa. Phóng sanh : phóng thả sinh vật, tiếng tắt của từ ngữ phóng tạp loại chúng sanh (hay phóng chư sinh mạng). Phóng sanh đến 49 loại khác nhau (phóng tạp loại chúng sanh chi tứ thập cửu), sát thì phải dịch : phóng thả sinh vật nhiều loại lẫn lộn đến 49 thứ. Ngang trái (hoạnh) hoạnh là họa hoạnh : tai họa phi lý, bắt trặc, dữ dội.

## **D3. lại còn tiêu quốc nạn**

*Đại đức A nan, nếu giai cấp Sát đế lợi các vị vua đã làm lễ quán đảnh, khi tai nạn nổi dậy, như dân chúng bệnh dịch, nước khác lấn ép, nước mình phản nghịch, tinh tú quái dị, nhật thực nguyệt thực, gió mưa trái thì, quá thì không mưa, thì giai cấp Sát đế lợi, các vị vua đã làm lễ quán đảnh, lúc ấy, hãy phát khởi tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, ân xá những người bị giam bị nhốt, và theo cách cúng dường tôi đã nói trên mà cúng dường đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai. Nhờ thiện căn như vậy, và nhờ năng lực bản nguyện của đức Như lai ấy, mà làm cho quốc độ của họ tức khắc yên ổn, gió mưa điều hòa, lúa má thành thực, mọi người vô bệnh, vui vẻ. Trong quốc độ của họ không có những loại thần Dạ xoa bạo ác, tác hại chúng sanh. Mọi hiện tượng dữ ảm mắt tất cả và tức thì. Còn giai cấp Sát đế lợi, và những vị vua đã làm lễ quán đảnh, thì sự sống, tướng tốt, sức mạnh, vô bệnh và tự do, đều được tăng thêm. Nếu hoàng hậu, hoàng phi, đông cung, vương tử, đại thần, phụ chánh, thể nữ, bách quan và dân chúng, bị bệnh làm khổ, và bị những tai nạn khác, cũng nên làm phan thần năm màu và đốt đèn sáng liên tục, phóng các loại có sinh mạng, rải những bông hoa đủ màu, đốt những hương thơm nổi tiếng, thì bệnh hết, nạn khỏi.*

Sát đê lợi = Kshatriya, là điền chủ, vương chủng ; giai cấp võ sĩ, 1 trong 4 giai cấp của xã hội Ấn thời cổ, làm vua và đại thần. Vua đã làm lễ quán đảnh, quán đảnh, nghĩa đen là rưới nước lên đỉnh đầu. Nước này lấy ở sông biển 4 hướng, ý chúc thống trị 4 phương thiên hạ. Làm lễ quán đảnh là như ngày nay làm lễ da miện. Giai cấp Sát đê lợi, các vị vua đã làm lễ quán đảnh (Sát đê lợi quán đảnh vương đấng), rất nên hiệu và dịch là vị vua đã làm lễ quán đảnh thuộc giai cấp Sát đê lợi. Cách cúng dường đã nói trên là cách vừa nói ở đoạn trên đoạn này. Nhờ thiện căn như vậy và nhờ năng lực bản nguyện của đức Như lai ấy, câu này đáng lý đoạn nào cũng phải có. Mọi sự tiêu tai diên thọ và mọi sở cầu sở nguyện mà được thực hiện, là nhờ tự lực được tha lực gia hộ (như câu này nói).

Phụ chánh (phụ tướng) theo TH 28/2394 thì là tả phụ hữu bật, đứng đầu quần thần. Tài liệu 9 (Anh văn, trang 18, dòng 24) dịch là tham nghị viên hay cố vấn của triều đình. Thế nữ (trung cung thế nữ), trung cung là hoàng hậu, trung cung thế nữ là thế nữ của hoàng hậu. Tài liệu 9 (Anh văn, trang 18 dòng 26) dịch là các vị phu nhân thân cận hoàng hậu. Bách quan, quan chức tinh vùng. Phóng các loại có sinh mạng (phóng chư sinh mạng) là phóng sanh. Các loại có sinh mạng là chúng sanh (ở đây là các loại sinh vật).

#### **D4. tiêu bất định nghiệp**

*Lúc ấy tôn giả A nan lại hỏi bồ tát Cứu thoát, thiện nam tử, tại sao mạng sống đã hết mà có thể làm cho tăng thêm ? Bồ tát Cứu thoát nói, đại đức, ngài không nghe đức Thế tôn nói có chín sự chết ngang trái hay sao? Vì chín sự chết này mà tôi khuyên làm phạn và đèn " tiếp nối mạng sống", tu các phước đức. Nhờ tu các phước đức mà trọn đời không trải qua một cơn đau đớn hoạn nạn nào cả. Tôn giả A nan hỏi, chín sự chết ngang trái là gì? Bồ tát Cứu thoát nói, có kẻ bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không thầy, không thuốc, không ai coi sóc. Gặp thầy thì lại bị cho thuốc không đúng, nên thật không đáng chết mà chết một cách ngang trái. Lại tin thầy bà yêu nghiệt của tà ma ngoại đạo thuộc phạm vi thế gian nói vợ vẫn về họa phước, nên đâm ra sợ hãi dao động. Tâm thì không tự chánh nó lại, lại đi bói hỏi để tìm lấy tai họa. Giết hại sinh vật mà giải tẩu thần mình, vái yêu quái để xin làm phước giúp đỡ, mong muốn thêm tuổi nhưng chung cục không thể đạt được. Ngủ si mê lầm, tin theo cái thấy cong và ngược, nên làm chết mình một cách ngang trái, nhập vào ãi ngục, không có kỳ hạn thoát ra. Đó là sự chết ngang trái thứ nhất. Thứ hai, một cách ngang trái bị phép vua giết. Thứ ba, săn bắn, chơi bời, đam mê tử sắc, phóng túng vô độ, một cách ngang trái bị những kẻ không phải người đoạt mất tinh chất. Thứ tư, một cách ngang trái bị lửa đốt. Thứ năm, một cách ngang trái bị nước chìm. Thứ sáu, một cách ngang trái bị các giống thú dữ ăn. Thứ bảy, một cách ngang trái rơi xuống sườn núi. Thứ tám, một cách ngang trái trúng chết bởi thuốc độc, ếm vái, chú thư, quỷ khởi thi. Thứ chín, chết một cách ngang trái vì đói khát nguy khốn, không được đồ ăn thức uống. Đó là sự chết ngang trái mà đức Thế tôn nói vẫn tất có chín thứ như vậy. Ngoài ra còn có vô số những sự ngang trái khác, khó nói cho đủ.*

Tu các phước đức là thọ trì Bát quan trai giới, tùy sức cúng dường Tỷ kheo tăng, và phóng sanh đến 49 loại. Tâm thì không tự chánh nó lại, lại đi bói hỏi để tìm lấy tai họa (tâm bất tự chánh, bốc vấn mịch họa), bản dịch 1 (Chính 21/535d) dịch "tâm bất tự chánh, bất năng tự định, bốc vấn mịch họa" (tâm không tự chánh, không thể tự định, đi bói hỏi mà tìm lấy tai họa). Giải tẩu : giải bày, tâu thưa. Cái thấy cong và ngược (tà đạo kiến) là tà kiến.

#### **D5. tiêu cả định nghiệp**

*Đại đức A nan, Diêm vương lãnh xét sự ghi chép về sách tịch của thế gian. Ai bất hiếu cha mẹ, làm năm tội nghịch, hủy nhục Tam bảo, phá phép vua tôi, làm hồng tánh giới, thì Diêm vương theo tội nặng nhẹ xét mà phạt. Vì lý do ấy, nay tôi khuyên cáo mọi người đốt đèn, treo phan, phóng sanh, tu phước, làm cho họ qua khỏi khốn khổ, không gặp mọi sự hoạn nạn.*

Ghi chép về sách tịch thế gian là ghi tội phước như trước đã nói. Tánh giới: giới năng. Nhưng tất cả bản chính đều chép "tín giới", nghĩa là chánh tín và tịnh giới. Làm hồng tín giới là tà kiến và phạm giới, là phá kiến và phá giới. Treo phan (tạo phan), tạo là chế tạo, bày ra, dựng lên. Ở đây nên hiểu là treo, dựng. Tu phước : như đã nói (trang 118) có 3, nay phóng sanh kể rồi thì còn 2, là cúng dường Tỷ kheo tăng và thọ trì Bát quan trai giới.

#### **C7. nói sự hộ vệ của Dạ xoa.**



Lúc ấy trong chúng hội có mười hai vị đại tướng Dạ xoa, cùng có mặt ở đó, là đại tướng Cung tỳ la, đại tướng Phật chiết la, đại tướng Mê xí la, đại tướng An đễ la, đại tướng Ngạnh nễ la, đại tướng San đễ la, đại tướng Nhân đạt la, đại tướng Ba di la, đại tướng Ma hổ la, đại tướng Chân đạt la, đại tướng Chiêu đồ la, đại tướng Tỳ yết la. Mười hai vị đại tướng Dạ xoa này, mỗi vị có bảy ngàn Dạ xoa làm tùy thuộc, cùng lúc cất tiếng bạch Phật, bạch đức Thế tôn, chúng con bây giờ nhờ uy lực của Ngài mà nghe được danh hiệu của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, không còn nỗi sợ hãi về ác đạo nữa. Chúng con dốc suất nhau, cùng nhau nhất tâm, suốt đời qui y Phật Pháp Tăng, thệ nguyện gánh vác hết thầy chúng sanh, tạo cho họ cái lợi chân thật, cái vui lợi ích. Tùy thôn làng, thị thành, thủ đô, và trong rừng thanh vắng, của bất cứ xứ nào, mà hoặc có kinh này lưu hành, hoặc có kẻ trì niệm danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang như lai, cung kính cúng dường Ngài, thì chúng con, và tùy thuộc của chúng con, hộ vệ người ấy, làm cho họ thoát mọi khổ nạn, mọi ước nguyện đều thỏa mãn. Hoặc ai bị bệnh khổ mà cầu thoát qua, thì cũng nên đọc tụng kinh này, dùng tư sớ năm màu mà kết tên chúng con. Dược toại nguyện rồi mới tháo kết ấy.

Lúc ấy đức Thế tôn tán dương các đại tướng Dạ xoa, rằng lành thay các tướng Đại dạ xoa, lành thay, các người nghĩ báo ân đức của đức thế tôn Dược sư lưu ly quang như lai, thì thường nên như vậy mà lợi ích an lạc hết thầy chúng sanh.

Danh sách 12 đại tướng Dạ xoa, kể theo Phạn tự thì như sau.

1. Kumbhira,
2. Vajra,
3. Mihira,
4. Andira,
5. Majira,
6. Shandira,
7. Indra,
8. Pajra,
9. Makura,
10. Sindura,
11. Catura,
12. Vikarala.

Đó là trích tài liệu 9 (Anh văn, trang 20, dòng 23). Nhưng dịch nghĩa thì tìm không ra. Chỉ tìm thấy 2 danh sách sau đây.

- (a) 1. Cự úy dược xoa đại tướng,
2. Kim cang dược xoa đại tướng,
3. Chấp nghiêm dược xoa đại tướng,
4. Chấp tinh dược xoa đại tướng,
5. Chấp phong dược xoa đại tướng,
6. Cư xứ dược xoa đại tướng,
7. Chấp lực dược xoa đại tướng,
8. Chấp âm dược xoa đại tướng,
9. Chấp ngôn dược xoa đại tướng,
10. Chấp tường dược xoa đại tướng,
11. Chấp động dược xoa đại tướng,
12. Viên tác dược xoa đại tướng.

- (b) 1. Khả úy đại tướng,
2. Kim cang đại tướng,
3. Hộ pháp đại tướng,
4. Hộ tỷ đại tướng,
5. Chánh pháp đại tướng,
6. La sát đại tướng,
7. Đế sử đại tướng,
8. Lang long đại tướng,

9. Canh phương đại tướng,
10. Chiết thủy đại tướng,
11. Hộ thể đại tướng,
12. Cần nộ đại tướng,

Danh sách (a) trích Chính 19/51g và 60t ; danh sách (b) trích Chính 19/67t.

Lợi chân thật (nghĩa lợi) cái lợi chân chính, chắc thật, hợp chân lý. Thủ đô (quốc ấp).

Đoạn này cho thấy Dạ xoa mà thệ nguyện gánh vác chúng sanh, hộ vệ mọi người, là do uy lực của đức Dược sư, là công đức của ngài. Trong đoạn này, cuối cùng, còn đưa ra một cách trừ bệnh nữa. Tra đọc các tài liệu sẽ thấy cách ấy cũng rất quan trọng.

### A3 kết thúc

B1. nói tên kinh

***Bấy giờ tôn giả A nan bạch Phật, bạch đức Thế tôn, nên mệnh danh như thế nào về pháp môn này, và chúng con nên tụng trì kinh này như thế nào ? Phật dạy tôn giả A nan, pháp môn này nên mệnh danh Nói về bản nguyện công đức của đức Dược sư lưu ly quang như lai, cũng nên mệnh danh Nói về sự kết nguyện thân chú để lợi ích chúng sanh của mười hai thần tướng, lại nên mệnh danh Bát trùu hết thấy nghiệp chướng. Nên tụng trì như vậy.***

Phụng trì như vậy (như thị trì) chỉ có nghĩa đơn giản là nhớ như vậy. Muốn xa hơn chút nữa thì "hãy tụng trì theo ý nghĩa mệnh danh như vậy".

B2. chúng hội tụng hành

***Khi đức Thế tôn nói lời này rồi, các vị đại bồ tát cùng các vị đại thanh văn, quốc vương, đại thần, đạo sĩ, cư sĩ, thiên chúng, long chúng, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la đà, loài người và loài không phải người, toàn thể đại chúng như vậy, nghe những điều Phật dạy, ai cũng cực kỳ hoan hỷ, tín thọ tụng hành.***

Thiên chúng... ma hầu la đà là 8 bộ thiên long. Loài người và loài không phải người (nhân phi nhân), TH 28/2406 nói, thanh văn, quốc vương, vân vân, là loài người ; thiên chúng, long chúng, vân vân, là loài không phải người. Pđ 270t giải thích lại khác : (a) là khẩn na la, vì như người mà không phải người ; (b) chỉ cho tất cả 8 bộ, vì vốn không phải người, nhưng đến Phật thì hiện hình người cả. Theo lời giải thích này, "nhân phi nhân" nên dịch "loài như người mà không phải người". Nhưng xét văn ý kinh này, qua những chỗ nói "phi nhân", thì thấy TH 28/2406 nói đúng với kinh này hơn.